TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 21-8-2017
"V/v: Tranh chấp về ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thu

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tiến Dũng

Bà Mai Thị Minh Hồng

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Bùi Ngọc Quỳnh - Thư ký TAND tỉnh Nam Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà*:

Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2017/TLPT- HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 27/2017/HNGĐ-ST ngày 26/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2017/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị N; đăng ký hộ khẩu: Xóm X, xã G, huyện T, tỉnh Nam Định; chỗ ở: Xóm 13, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Đ (tức Trần Xuân Đ); trú tại: Xóm X, xã G, huyện T, tỉnh Nam Định.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn anh Trần Văn Đ.

Tại phiên toà phúc thẩm: Chị N, anh Đ có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là chị Đoàn Thị N trình bày:

Chị và anh Trần Văn Đ (tức Trần Xuân Đ) tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn vào ngày 04/01/2006 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được gần 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ nghiện ma túy năm 2011 phải đi chấp hành án. Tháng 01/2017 anh Đ chấp hành án xong nhưng vẫn không từ bỏ nghiện ma túy. Chị đã khuyên can nhưng anh Đ không thay đổi. Vợ chồng ly thân từ tháng 02/2017. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con là Trần Việt Đ1, sinh ngày 11/11/2006 và Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 02/5/2010, hiện nay 02 con chung đang do chị nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn chị đề nghị được nuôi 2 con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng và quyền sử dụng đất nông nghiệp: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn là anh Trần Văn Đ (tức Trần Xuân Đ) trình bày:

Anh và chị Đoàn Thị N tự do tìm hiểu tự nguyên kết hôn vào ngày 04/01/2006 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 năm. Anh nghiện ma túy và phạm tội mua bán trái phép ma túy nên phải chịu án phạt 07 năm tù. Anh đã chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương vợ chồng chung sống khoảng 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hiểu lầm nhau và không còn tin tưởng nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2017. Nay chị N xin ly hôn anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung, nếu chị N cương quyết xin ly hôn anh cũng chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con là Trần Việt Đ1, sinh ngày 11/11/2006 và Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 02/5/2010, hiện 02 con chung do chị N nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh đề nghị được nuôi 2 con chung không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng và quyền sử dụng đất nông nghiệp: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27/3/2017 của cháu Trần Việt Đ1 và bản tự khai ngày 28/3/2017 của cháu Trần Thị Ngọc A các cháu đều có chung nguyện vọng là bố mẹ ly hôn hai cháu xin được ở với mẹ.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 27/2017/HNGĐ-ST ngày 26/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định đã quyết định. Áp dụng Điều 56, Điều 81,82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, và lệ phí Tòa án.

Xử ly hôn giữa chị Đoàn Thị N và anh Trần Văn Đ (tức Trần Xuân Đ).

Về con chung: Giao chị Đoàn Thị N trực tiếp nuôi 02 con chung Trần Việt Đ, sinh ngày 11/11/2006 và Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 02/5/2010 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự lập được. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được quyền thăm nom con chung khi có điều kiện.

Ngày 07/7/2017 anh Trần Văn Đ kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét cho anh được nuôi dưỡng một trong hai con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Đ giữ nguyên đơn kháng cáo và trình bày: Anh bị nghiện ma túy và bị xử phạt 7 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, anh

đã chấp hành xong án phạt tù ra trại ngày 16/01/2017 và làm nghề đánh bắt cá biển, còn chị N đi làm ăn xa không có điều kiện nuôi dưỡng con chung. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao một trong hai con chung cho anh nuôi dưỡng.

Chị N trình bày: Từ năm 2010 chị cùng hai cháu đã về ở trên thổ đất của bố mẹ chị. Anh Đ là người nghiện ma túy mới ra trại việc giao một trong 2 con chung cho anh Đ nuôi dưỡng sẽ không bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của các con đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về đường lối giải quyết vụ án, cháu Đ1 và cháu A ở với chị N từ nhỏ việc học tập sinh hoạt đều ổn định. Các cháu đều có nguyện vọng ở với chị N để bảo đảm quyền lợi của 2 cháu cấp sơ thẩm giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nên không chấp nhận kháng cáo của anh Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm. Án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử, xét kháng cáo của anh Trần Văn Đ (tức Trần Xuân Đ):

[1] Chị Đoàn Thị N và anh Trần Văn Đ trên cơ sở tự do tìm hiểu tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Anh chị có hai con chung là cháu Trần Việt Đ1, sinh ngày 11/11/2006 và cháu Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 02/5/2010. Tại phiên tòa anh Đ có nguyện vọng được nuôi dưỡng một trong hai cháu, còn chị N đề nghị được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, từ năm 2010 chị N và hai con chung là Trần Việt Đ1 và Trần Thị Ngọc A đã chuyển về sinh sống trên thổ đất được bố mẹ chị N cho, có vị trí liền kề với thổ đất của bố mẹ chị N. Khi anh Đ đi thụ án về tội mua bán trái phép chất ma túy, chị N vẫn bảo đảm việc nuôi dạy các cháu, nay cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với chị N. Để bảo đảm quyền lợi tốt nhất về mọi mặt của các con chung sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao 2 con chung cho chị N nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng con chung. Chị N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2] Do kháng cáo của anh Đ không được nên anh Đ phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS. Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn Đ (tức Trần Xuân Đ). Giữ nguyên án sơ thẩm về phần con chung.

1. Xử ly hôn giữa chị Đoàn Thị N và anh Trần Văn Đ (tức Trần Xuân Đ).

2. Về con chung: Giao con chung Trần Việt Đ1, sinh ngày 11/11/2006 và Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 02/5/2010 cho chị Đoàn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự lập được. Anh Trần Văn Đ không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 07658 ngày 12/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy. Anh Đ đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 07572 ngày 07/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Giao Thủy;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vũ Thị Thu